

Nhận diện vấn đề giới trong lao động của nữ nhà báo Việt Nam

Identifying gender issues in the labor of Vietnamese female journalists

ThS. HOÀNG HÀ MY

Học viện Phụ nữ Việt Nam; Email: myhh@vwa.edu.vn

Ngày nhận bài: 27/02/2026

Ngày phản biện: 5/03/2026

Ngày duyệt đăng: 20/3/2026

Chủ đề của bài viết thuộc lĩnh vực: Báo chí, truyền thông

Tóm tắt: Bài viết tập trung nhận diện các vấn đề giới trong lao động của nữ nhà báo Việt Nam thông qua việc phân tích sự hình thành và biến đổi của phân công lao động theo giới từ giai đoạn thuộc địa đến bối cảnh báo chí đương đại. Bằng phương pháp phân tích tài liệu, kết quả nghiên cứu cho thấy các vấn đề giới trong lao động nữ nhà báo gắn với chuẩn mực giới, cách thức phân công lao động và bối cảnh vận hành của môi trường báo chí. Việc nhận diện các vấn đề này góp phần cung cấp cái nhìn hệ thống về lao động nữ nhà báo và là cơ sở tham chiếu cho các nghiên cứu tiếp theo về giới trong báo chí Việt Nam.

Từ khóa: bình đẳng giới; lịch sử báo chí Việt Nam; lao động nữ nhà báo.

Abstract: This article identifies gender issues in the labor of Vietnamese female journalists by analyzing the formation and transformation of gender-based labor division from the pre-colonial period to the contemporary media context. Using document analysis, the findings reveal that gender issues in female journalistic labor are closely associated with gender norms, labor division practices, and the operational context of the media environment. Recognizing these issues contributes to a systematic understanding of female journalistic labor and provides a reference basis for future studies on gender in Vietnamese journalism.

Keywords: Gender equality; history of Vietnamese journalism; female journalists.

1. Đặt vấn đề

Trong bối cảnh Việt Nam, các báo cáo của Oxfam Việt Nam (2014, 2016) về giới trong truyền thông cho hay, mặc dù phụ nữ tham gia ngày càng đông đảo vào lực lượng lao động báo chí, sự chênh lệch giới vẫn tồn tại trong phân công nhiệm vụ, vị trí quản lý và quyền lực phát ngôn. Những kết quả này cho thấy giới cần được nhìn nhận như một yếu tố cấu trúc ảnh hưởng trực tiếp đến tổ chức lao động và quá trình tác nghiệp của người làm báo. Việc nhận diện vấn đề giới trong lao động của nhà báo Việt Nam, vì thế, cần được đặt trong một khung phân tích cho phép nhìn thấy cả tính kế thừa và biến đổi của các cấu trúc giới. Thay vì tiếp cận theo hướng đánh giá mức độ bình đẳng hay bất bình đẳng ở một thời điểm cụ thể, bài viết lựa chọn cách tiếp cận nhận diện các vấn đề giới nổi bật trong lao động nữ nhà báo thông qua những biểu hiện như phân công nhiệm vụ, vị trí nghề nghiệp, điều kiện tác nghiệp và cơ hội thăng tiến. Cách tiếp cận này giúp làm rõ những vấn đề giới trong môi trường lao động của nhà báo gắn với các khuôn mẫu văn hóa, thiết chế tổ chức và điều kiện lịch sử.

2. Phương pháp nghiên cứu

Bài viết sử dụng phương pháp nghiên cứu tài liệu với

mục tiêu nhận diện và hệ thống hóa các vấn đề giới trong lao động nữ nhà báo Việt Nam thông qua tiến trình phát triển của báo chí. Tư liệu nghiên cứu được thu thập và phân tích bao gồm ba nhóm chính. *Nhóm thứ nhất* là các tư liệu lịch sử và lý luận bao gồm các công trình nghiên cứu về lịch sử báo chí Việt Nam, lý thuyết giới trong truyền thông (sách chuyên khảo, công trình tổng thuật và nghiên cứu học thuật cung cấp khung bối cảnh lịch sử, cấu trúc nghề nghiệp và nền tảng lý thuyết cho việc phân tích phân công lao động theo giới trong báo chí). *Nhóm thứ hai* là tư liệu báo chí gồm các ấn phẩm báo chí tiêu biểu qua các thời kỳ, kỷ yếu, hồi ký, bài viết chân dung nhà báo nữ và các tài liệu lưu trữ được công bố. Trong nghiên cứu này, báo chí được tiếp cận như nguồn tư liệu phản ánh cách thức tổ chức lao động, cách khuôn mẫu giới được kiến tạo trong từng bối cảnh lịch sử cụ thể. *Nhóm thứ ba* là tư liệu chính sách bao gồm các văn bản pháp luật về bình đẳng giới, báo cáo khảo sát, nghiên cứu và thống kê do các tổ chức nghiên cứu, cơ quan báo chí và tổ chức xã hội trong nước và quốc tế công bố. Các tư liệu này giúp làm rõ mức độ hiện diện, phân bố giới trong lao động nhà báo.

3. Kết quả nghiên cứu và thảo luận

3.1. Kết quả nghiên cứu

3.1.1. Định kiến truyền thống và sự xuất hiện của nữ nhà báo đầu tiên

Giai đoạn trước 1945, nền báo chí Việt Nam hình thành dưới ảnh hưởng của hệ tư tưởng Nho giáo và chủ nghĩa thực dân Pháp. Hầu hết phóng viên, cộng tác viên trong các tờ báo đầu tiên đều là nam giới, trong khi phụ nữ chủ yếu gắn với công việc gia đình, không tham gia vào hoạt động báo chí cộng đồng. Phụ nữ lúc bấy giờ gắn với công việc gia đình, không có vai trò trong các lĩnh vực công cộng, đặc biệt là nghề nghiệp có tính “công luận” như báo chí. Tờ Gia Định Báo được coi là tờ báo quốc ngữ đầu tiên tại Việt Nam xuất bản ngày 15 tháng 4 năm 1865 tại Sài Gòn đã mở ra kỷ nguyên mới của báo chí viết bằng chữ Quốc ngữ và góp phần xây dựng nền tảng của truyền thông hiện đại. (Đăng Khoa, 2025). Trong giai đoạn ấy, công việc làm báo của phóng viên, cộng tác viên chủ yếu do nam giới đảm nhiệm. Trong cuốn sách “Xã hội học báo chí”, tác giả Trần Hữu Quang (2006) cho rằng, báo chí Việt Nam giai đoạn cuối thế kỷ XIX đến đầu thế kỷ XX chịu ảnh hưởng sâu sắc của tầng lớp trí thức Nho học chuyển sang Tây học mà hầu hết đối tượng là nam giới. Ảnh hưởng của Nho học chuyển giao khiến quan niệm trọng nam giới là cốt lõi của xã hội, phụ nữ chỉ được xem như hậu phương, nội trợ, tham gia công việc gia đình và xã hội một cách gián tiếp. Do đó, việc phụ nữ xuất hiện trong môi trường lao động này thời kỳ đầu có thể được coi là một hành động phá vỡ ranh giới.

Trường hợp tiêu biểu đầu tiên phá vỡ rào cản này là bà Trương Nguyệt Anh, sinh năm 1864 tại Ba Tri, Bến Tre, con gái của nhà thơ yêu nước Nguyễn Đình Chiểu. Bà là nữ chủ bút đầu tiên trong lịch sử báo chí Việt Nam khi xuất bản tờ Nữ Giới Chung ngày 1 tháng 2 năm 1918 và đảm nhiệm vai trò tổng biên tập. (Ngô Lê, 2023). Tờ báo có tên “Nữ giới chung”, nội dung chủ yếu xoay quanh giáo dục nữ giới theo chuẩn mực truyền thống như nữ công gia chánh, dạy chữ, đề cao đạo đức phụ nữ. Điều này phản ánh mâu thuẫn của thời đại, khi phụ nữ có tiếng nói trên mặt báo, nhưng phạm vi tiếng nói ấy lại bị kiểm soát chặt chẽ bởi khuôn mẫu Nho giáo. Dù có vai trò tiên phong nhưng sau 22 số phát hành, tờ báo bị đình bản.

Bối cảnh báo chí sơ khai tại Nam Kỳ và các vùng thuộc Nam Bộ cũng cho thấy cách thiết chế xã hội và quyền lực ảnh hưởng đến sự tham gia của nữ giới: nhà nước thực dân Pháp kiểm soát chặt chẽ truyền thông; tòa soạn báo chủ yếu là không gian nam giới; mạng lưới quyền lực, và khả năng tiếp cận tri thức của nữ giới bị hạn chế. Các nghiên cứu về giới trong báo chí cho thấy, phân công lao động theo giới mang tính cấu trúc và tồn tại bền vững trong lịch sử báo

chí. Kết quả của Dự án Giám sát truyền thông toàn cầu (Global Media Monitoring Project) chỉ ra rằng “nữ nhà báo thường được phân công vào các mảng nội dung “mềm” như gia đình, văn hóa, đời sống xã hội; còn các mảng “cứng” như chính trị, kinh tế và thời sự giữ vai trò trung tâm trong không gian quyền lực báo chí lại do nam giới chiếm ưu thế” (GMMP, 2015). Trong bối cảnh báo chí Việt Nam trước 1945, khi chịu ảnh hưởng đồng thời của văn hóa Nho giáo và mô hình báo chí thuộc địa, việc nữ giới bị định vị trong các mảng nội dung “ít quyền lực” là xu hướng khó tránh khỏi. Vì vậy, dù Trương Nguyệt Anh là một biểu tượng, nhưng số lượng nữ nhà báo trước 1945 vẫn rất ít.

Bước chuyển dịch giới ở giai đoạn này tuy chỉ nhen nhóm trong lịch sử báo chí nhưng nó cho thấy nguồn gốc cấu trúc phân công lao động theo giới trong ngành. Đó là cấu trúc được định hình bởi văn hóa gia trưởng, quyền lực thuộc về nam giới trong không gian công luận, và khả năng tiếp cận nghề của nữ giới bị giới hạn.

3.1.2. Hình ảnh “nữ chiến sĩ” và phân công lao động theo giới trong báo chí thời kỳ kháng chiến

Trong giai đoạn kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ (1945 - 1975), lực lượng báo chí cách mạng Việt Nam đóng vai trò quan trọng trên “mặt trận tư tưởng” của cách mạng dân tộc. Trong bối cảnh này, vấn đề giới trong lao động nhà báo xuất hiện với những đặc thù riêng, thể hiện qua việc phụ nữ tham gia làm báo cách mạng. “Báo chí ở miền Bắc và miền Nam, cả trong bối cảnh chiến tranh và hậu phương, đều đã huy động cả nam và nữ tham gia hoạt động báo chí”. (Đào Duy Quát, 2010). Tuy vậy, vai trò và vị thế giữa các giới vẫn chưa cân đối.

Phụ nữ trong giai đoạn kháng chiến đã tham gia vào công tác báo chí như một bộ phận của mặt trận tư tưởng. Họ tham gia làm báo với nhiều vai trò như làm việc tại cơ quan báo chí, tham gia ban biên tập các ấn phẩm cách mạng, thực hiện chuyên mục tuyên truyền hậu phương... Báo Phụ nữ Việt Nam (ra đời năm 1948) và các ấn phẩm phụ nữ khác là những diễn đàn quan trọng thể hiện vai trò và tiếng nói của phụ nữ làm báo trong thời kỳ này. “Các ấn phẩm phụ nữ, chuyên mục hậu phương, câu chuyện gia đình thời chiến... đóng vai trò củng cố khối hậu phương và động viên xã hội trong thời chiến” (Phạm Thương, 2023). Nhà báo tiêu biểu thể hiện vai trò và trải nghiệm của nữ nhà báo trong kháng chiến ở Việt Nam ở thời kỳ này phải kể đến Nguyễn Thị Manh Manh - nữ phóng viên đầu tiên của làng báo Sài Gòn, hoạt động chủ yếu tại tuần báo Phụ nữ Tân văn. Bà không chỉ hoạt động trong lĩnh vực báo chí mà đồng thời gắn với phong trào nữ quyền đầu thế kỷ XX. Điều này cho thấy việc tham gia báo chí của phụ nữ mang ý nghĩa xã hội và chính trị sâu sắc (Hội LHPN Việt Nam, 2019). Trong bối cảnh báo

chí cách mạng, bà Mạnh Mạnh được nhìn nhận như một “nữ chiến sĩ trên mặt trận tư tưởng”, là người tham gia trực tiếp vào hoạt động truyền thông, góp phần lan tỏa lý tưởng cách mạng, cổ vũ nhân dân và hậu phương. Hình ảnh của bà được ghi trong kỷ yếu phụ nữ gắn với lòng trung thành với Đảng và sẵn sàng hy sinh đời tư vì nhiệm vụ báo chí và tuyên truyền (Hội LHPN Việt Nam, 2019). Điều này phản ánh mô hình lao động nhà báo nữ thời chiến, trong đó phẩm chất “chiến sĩ” được nhấn mạnh hơn vai trò “nhà báo” theo chuẩn giới truyền thống.

Dù có nhiều điểm tiến bộ, phân công lao động theo giới vẫn rõ nét trong giai đoạn này. Các vị trí chủ chốt trong tòa soạn thường do nam giới đảm nhiệm. Phụ nữ chủ yếu phụ trách mảng văn hóa, thông tin hậu phương với nội dung về gia đình và nữ công gia chánh. Như vậy, ngay cả khi nhà nước và các tổ chức cách mạng khuyến khích phụ nữ tham gia lao động xã hội, sự phân công lao động theo giới vẫn tồn tại trong thực tiễn báo chí thời chiến. Bởi với tính nữ của mình, nữ nhà báo thường đảm nhiệm những mảng liên quan đến tinh thần, đạo đức, đời sống hậu phương như các chuyên mục mô tả hoàn cảnh gia đình người lính, đóng góp phụ nữ trong sản xuất, tổ chức hậu cần. (Trần Nam Tiến, 2023). Vai trò phản biện chính sách hay tác nghiệp tại chiến trường vẫn ở mức hạn chế bởi họ bị giới hạn về vị trí tổ chức, điều kiện tác nghiệp.

3.1.3. Năng lực nghề nghiệp và sự tiếp diễn của định kiến giới trong lao động nhà báo thời kỳ đổi mới

Sau 1975 và đặc biệt từ khi tiến hành công cuộc đổi mới năm 1986, báo chí Việt Nam bước vào thời kỳ chuyển mình tiếp theo. Việc đa dạng hóa nội dung và tự chủ tài chính đã tạo cơ hội cho nữ giới tham gia nhiều hơn vào lĩnh vực này. Nhiều nữ phóng viên của các tờ Tuổi Trẻ, Thanh Niên, Phụ Nữ TP. HCM đã tham gia viết loạt bài điều tra về tiêu cực xã hội, tham nhũng, hoặc vấn đề quyền trẻ em. Tuy nhiên, đi cùng với cơ hội đó là định kiến “nữ viết cảm tính, thiếu lý trí”. Một số nữ nhà báo bị phê bình trong nội bộ tòa soạn khi đề cập đến các chủ đề “nhạy cảm”, trong khi các đồng nghiệp nam được khen là “dám nói, dám làm”. (Nguyễn Thị Thu Hà, 2021)

Nhà báo Hồ Mỹ Hạnh (Báo Tuổi Trẻ) được xem là một trong những gương mặt tiêu biểu khi dấn thân vào mảng điều tra xã hội những năm 1990. Bà là minh chứng cho việc nữ giới hoàn toàn có thể đảm nhận vai trò phản biện xã hội. Tuy nhiên, những trường hợp như vậy vẫn rất hiếm hoi. Đa số nữ phóng viên được phân công vào các mảng “mềm” như giáo dục, đời sống, văn hóa. Thực trạng này minh chứng cho phân công lao động theo giới mới, khi phụ nữ làm báo thường được khuyến khích ở các lĩnh vực “phục vụ cộng đồng” nhưng ít được bổ nhiệm ở cương vị lãnh đạo.

Sự thương mại hóa báo chí thời kỳ bấy giờ cũng ảnh hưởng đặc biệt đến phụ nữ. Các tạp chí, chuyên trang dành cho nữ như Tạp chí Đẹp, Tiếp thị & Gia đình, Phụ nữ Việt Nam... nở rộ, tạo môi trường để nữ giới khẳng định vị thế ở những mảng văn hóa, xã hội. Nhưng cùng với đó, dư luận xã hội bắt đầu chú ý đến cách thức báo chí khai thác hình ảnh phụ nữ. Nhiều bìa tạp chí nữ tràn ngập hình ảnh gợi cảm, tập trung vào ngoại hình, thúc đẩy sự “thương mại hóa cơ thể” của nữ giới. Đây là điều mà các lý thuyết nữ quyền hiện đại xem là “tái sản xuất hình ảnh phụ quyền trong vỏ bọc hiện đại” (Gill, 2007).

Mặc dù công cuộc đổi mới tạo cơ hội cho nữ nhà báo tham gia nhiều hơn vào các mảng đề tài, nhưng nhìn chung, các rào cản cấu trúc vẫn không thay đổi nhiều. Theo khảo sát của Oxfam, tỷ lệ phân công lao động lãnh đạo giữa nam và nữ vẫn có sự chênh lệch lớn: nam chiếm 85,7%, nữ chiếm 14,3% (Oxfam, 2016). Bên cạnh đó, phụ nữ nhà báo thời kỳ đổi mới vẫn chịu áp lực gánh nặng kép, vừa phải đảm bảo hiệu quả trong công việc, vừa gánh vác trọng trách gia đình. Có thể thấy, giai đoạn đổi mới chứng kiến một bước tiến về hình thức trong tham gia lao động nhà báo của phụ nữ (đa dạng vị trí, xuất hiện nữ lãnh đạo ở một số đơn vị), nhưng bản chất bất bình đẳng về vai trò và quyền lực giữa các giới vẫn âm ỉ hiện hữu.

3.1.4. Sự hiện diện của nữ nhà báo đương đại và bất bình đẳng giới tiềm ẩn

Từ năm 2000 đến nay, cùng với sự hội nhập quốc tế và sự bùng nổ của truyền thông số, nữ nhà báo tăng nhanh cả về số lượng và phạm vi hoạt động. Theo nghiên cứu của An Analysis of Women's Leadership and Media Practices in Vietnam (2018), nữ giới chiếm khoảng 36% trong lực lượng phóng viên và 23% ở vị trí lãnh đạo (ResearchGate, 2018). Trong khi đó, Vietnam Media Landscape 2023 - 2024 ước tính ngành báo chí có khoảng 41.000 lao động chuyên nghiệp, hơn 20.500 người được cấp thẻ nhà báo giai đoạn 2021 - 2025 (Vietnam News Agency, 2023). Nếu tỷ lệ nữ giữ ổn định ở mức 35 - 40%, có thể ước tính có khoảng 14.000 - 16.000 nữ nhà báo đang hoạt động trên toàn quốc. Trong Diễn đàn báo chí toàn quốc năm 2025, nhà báo Hà Tùng Long (Báo Nông thôn Ngày nay/điện tử Dân Việt) cho biết, tính đến nay, “hơn 40% hội viên Hội Nhà báo Việt Nam là nữ, trong đó có rất nhiều nữ nhà báo làm Tổng Biên tập, Phó Tổng Biên tập, Giám đốc Đài Truyền hình và Phó Tổng Giám đốc Đài Truyền hình” (Báo Nhân dân điện tử, 2025). Điều này khẳng định phụ nữ không chỉ làm việc ở các lĩnh vực “mềm” mà ngày càng hiện diện trong nhiều vai trò then chốt và lãnh đạo.

Tuy nhiên, sự tiến bộ này chủ yếu mang tính bình đẳng hình thức. Thực tế, các cột mốc quyết định lãnh đạo cấp cao vẫn chưa có nữ giới: Hội Nhà báo Việt Nam chưa

có nữ Phó Chủ tịch, và tỷ lệ nữ Tổng Biên tập các cơ quan báo chí vẫn rất thấp so với tiềm năng (Báo Nhân dân điện tử, 2025). Cơ chế thăng tiến trong nghề báo hiện nay vẫn thiên về nam giới do mạng lưới quan hệ chính trị và kinh nghiệm hành chính. Những rào cản này được củng cố bởi hai yếu tố là văn hóa nghề và gánh nặng kép. Văn hóa nghề nghiệp vẫn đề cao mô hình “phóng viên chiến trường, dấn thân” gắn với hình ảnh nam giới là chủ yếu. Đồng thời, gánh nặng kép của phụ nữ giữa công việc và gia đình khiến họ khó đáp ứng yêu cầu “sẵn sàng 24/7” của nghề báo.

Hiện nay, nữ nhà báo được phân công lao động đồng đều hơn, nhưng các quy định bất bình đẳng tiềm ẩn (văn hóa tòa soạn, chuẩn đánh giá năng lực, chính sách hỗ trợ gia đình) vẫn đang tạo rào cản đối với họ. Để đạt được bình đẳng giới trong nghề báo mang tính bền vững, cần có những can thiệp đồng bộ từ việc thay đổi nhận thức xã hội, chính sách của cơ quan báo chí, cùng môi trường pháp lý nhằm khuyến khích nữ giới tiếp cận các vị trí quyền lực và bảo vệ họ khỏi định kiến vốn vẫn âm ỉ tồn tại.

3.2. Thảo luận

Qua quan sát từ bối cảnh Việt Nam, sự phân chia “mảng cứng”, “mảng mềm” là biểu hiện cụ thể của việc gán ghép các giá trị lý tính (quyền lực cho nam giới và cảm xúc, chăm sóc cho nữ giới), như Gill (2007) đã chỉ ra. Tuy nhiên, kết quả nghiên cứu bổ sung thêm rằng, các khuôn mẫu đó còn thể hiện trong quy trình phân công công việc, cơ hội tiếp cận nguồn tin và lộ trình thăng tiến trong tòa soạn. Đến nay, nữ nhà báo đã được nhìn nhận như một lực lượng lao động không thể thiếu, thường xuyên được định vị trong nhiều mảng nội dung và vai trò nhất định. Việc phân công theo mảng, khả năng tiếp cận nguồn tin, quyền lực phát ngôn và cơ hội thăng tiến cho thấy sự khác biệt giới vẫn hiện diện trong môi trường lao động, dù biểu hiện không còn mang tính loại trừ trực diện như ở các giai đoạn trước. Điều này phản ánh đúng xu hướng mà các nghiên cứu quốc tế như Global Media Monitoring Project (2015) đã ghi nhận, “khi bình đẳng hình thức được cải thiện, bất bình đẳng chuyển sang các dạng tinh vi hơn, khó đo lường hơn”.

4. Kết luận

Xuyên suốt các giai đoạn phát triển của báo chí Việt Nam, sự phân công lao động của nữ nhà báo đã chuyển dịch từ trạng thái ít tham gia sang tham gia có điều kiện và dần hiện diện rộng rãi hơn trong không gian nghề nghiệp. Tuy nhiên, sự gia tăng về số lượng và phạm vi tham gia không đồng nghĩa với sự thay đổi tương ứng về quyền lực và vị thế. Từ đây, các vấn đề giới trong lao động của nữ nhà báo Việt Nam gắn với cấu trúc xã hội và văn hóa nghề nghiệp được duy trì qua nhiều giai đoạn lịch sử.

Có thể thấy, việc tiếp cận vấn đề giới trong báo chí cần đặt trong mối quan hệ với lịch sử phát triển ngành và các cơ chế tổ chức nghề nghiệp đương đại, từ đó làm cơ sở cho các nghiên cứu tiếp theo./.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Đặng Khoa. (2025). *Lịch sử báo chí Việt Nam: Từ Gia Định báo đến nền báo chí cách mạng*. VietTimes Online. <https://viettimes.vn/lich-su-bao-chi-viet-nam-tu-gia-dinh-bao-den-nen-bao-chi-cach-mang-post186446.html>.
2. Global Media Monitoring Project. (2015). *Who Makes the News?* World Association for Christian Communication. <https://whomakesthenews.org>.
3. Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam. (2017). *Nhà báo Nguyễn Thị Mạnh Mạnh và phong trào nữ quyền đầu thế kỷ 20*. <https://www.hoilhpn.org.vn/tin-chi-tiet/-/chi-tiet/nha-bao-nguyen-thi-manh-manh-va-phong-trao-nu-quyen-%C4%91au-the-ky-20-25257-5.html>.
4. Lavie, A., & Lehman-Wilzig, S. (2003). *Journalism education and gender roles in newsrooms*. Journalism Education Association.
5. Luật Bình đẳng giới năm 2006, số 73/2006/QH11. (2006). *Luật Bình đẳng giới*. Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam. <https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Quyen-dan-su/Luat-Binh-dang-gioi-2006-73-2006-QH11-15866.aspx>.
6. Mills-Brown, S. (2014). *Understanding soft news and hard news*. Department of Journalism, University of Gothenburg.
7. Ngô Lê. (2023). *Google tôn vinh nữ sĩ Sương Nguyệt Anh*. Nhân Dân Online. <https://nld.com.vn/cong-nghe/google-ton-vinh-nu-si-suong-nguyet-anh.htm>.
8. Nguyễn Thị Thu Hà. (2021). Bình đẳng giới trong ngành báo chí Việt Nam hiện nay. *Tạp chí Khoa học Xã hội Việt Nam*, 12(3), 45-56.
9. Nguyễn Vỹ. (1994). *Văn thi sỹ tiền chiến*. Nhà xuất bản Hội Nhà văn.
10. Nhân Dân. (2025). *Tiếng nói nữ giới trong lãnh đạo báo chí Việt Nam*. <https://nhandan.vn/can-nang-cao-vi-the-cua-nu-gioi-trong-cong-tac-dieu-hanh-tin-tuc-post888006.html>.
11. Oxfam Vietnam. (2014). *Gender analysis of Vietnamese media*. Oxfam.
12. Oxfam Vietnam. (2016). *Báo chí và định kiến giới đối với lãnh đạo nữ*. Oxfam.
13. Trần Nam Tiến. (2023). *Những tư liệu, giá trị và đóng góp của Báo Phụ nữ Việt Nam trong nền báo chí cách mạng Việt Nam*. Báo Phụ Nữ Việt Nam. <https://phunuvietnam.vn/nhung-tu-lieu-gia-tri-va-dong-gop-cua-bao-phu-nu-viet-nam-trong-nen-bao-chi-cach-mang-viet-nam-20230307171255865.htm>.
14. Phạm Thương. (2023). *Làm báo thời chiến (Kỷ niệm 75 năm)*. Báo Phụ Nữ Việt Nam. <https://phunuvietnam.vn/ky-niem-75-nam-ngay-truyen-thong-cua-bao-pnvn-lam-bao-thoi-chien-20230307172652568.htm>.
15. Trần Hữu Quang. (2006). *Xã hội học báo chí*. Nhà xuất bản Trẻ, 180 - 210.
16. Đào Duy Quát (chủ biên). (2010). *Lịch sử báo chí cách mạng Việt Nam (1925-2010)*. Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia Sự thật, 350 - 280.
17. Vietnam News Agency. (2023). *Vietnam media landscape 2023 - 2024* (tr.16).
18. VietnamPlus. (2018, May 15). *Gender equality in journalism highlighted at conference*.